PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA THẨM MỸ (THUỘC CÔNG TY TNHH THẨM MỸ AZ NOSE)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:02-0926/CV-AZN V/v kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2026*

Kính gửi: **Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh**

Thực hiện quy định tại Luật Giá năm 2023, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Phòng khám chuyên khoa Thẩm mỹ (Thuộc Công ty TNHH thẩm mỹ AZ NOSE) gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/10/2026.

Phòng khám chuyên khoa Thẩm mỹ (Thuộc Công ty TNHH thẩm mỹ AZ NOSE) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)* CÔNG TY TNHH THẨM MỸ AZ NOSE Hoàng Thị Ánh Hồng

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: .....

- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 263-265 Đường 3/2, Phường Vườn Lài, TP Hồ Chí Minh

- Số điện thoại liên lạc: 0332505515

- Email: tuyendung.aznose1@gmail.com

- Số fax: .....

Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá của Sở Y tế

(Sở Y tế ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA THẨM MỸ (THUỘC CÔNG TY TNHH THẨM MỸ AZ NOSE)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 02-0926/CV-AZN ngày 30 tháng 09 năm 2026 về việc kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

1. Mức giá kê khai

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước	Giá kê khai kỳ này	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Phẫu thuật sa trễ mi trên người già		Lần			12.000.000			
2	Phẫu thuật thừa da mi trên		Lần			12.000.000			
3	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mi dưới		Lần			11.000.000			
4	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí		Lần			12.000.000			
5	Phẫu thuật cắt da mi dưới cung mày		Lần			12.000.000			
6	Nhấn mí		Lần			8.000.000			
7	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt (Hạ Size mí)		Lần			30.000.000			
8	Phẫu thuật thu gọn cánh (đầu) mũi 2 bên		Lần			5.000.000			Làm chung dịch vụ nâng mũi
9	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi 1 bên		Lần			3.000.000			Làm chung dịch

									vụ nâng mũi
10	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gồ (kỹ thuật mài xương) 2 bên		Lần			5.000.000			Làm chung dịch vụ nâng mũi
11	Chỉnh hình mũi gồ (kỹ thuật mài xương) 1 bên		Lần			3.000.000			Làm chung dịch vụ nâng mũi
12	Chỉnh hình mũi lệch (kỹ thuật mài xương) 2 bên		Lần			5.000.000			Làm chung dịch vụ nâng mũi
13	Chỉnh hình mũi lệch (kỹ thuật mài xương) 2 bên		Lần			3.000.000			Làm chung dịch vụ nâng mũi
14	Nâng mũi cấu trúc sụn tai		Lần			40.000.000			
15	Nâng mũi cấu trúc sụn tai + Sóng Surgiform		Lần			51.000.000			
16	Sửa mũi cấu trúc sụn tai I		Lần			45.000.000			
17	Sửa mũi cấu trúc sụn tai I + Sóng Surgiform		Lần			56.000.000			
18	Sửa mũi cấu trúc sụn tai II		Lần			50.000.000			
19	Sửa mũi cấu trúc sụn tai I + Sóng Surgiform		Lần			61.000.000			
20	Nâng mũi nhân tạo		Lần			15.000.000			
21	Nâng mũi nhân tạo + Sóng Sugiform		Lần			26.000.000			
22	Sửa mũi nhân tạo		Lần			20.000.000			

23	Sửa mũi nhân tạo + Sóng Surgiform		Lần			31.000.000			
24	Nâng mũi bọc sụn		Lần			26.000.000			
25	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi đơn thuần		Lần			8.000.000			Dịch vụ đơn lẻ
26	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gồ đơn thuần (Kỹ thuật mài xương)		Lần			15.000.000			Dịch vụ đơn lẻ
27	Phẫu thuật chỉnh hình mũi lệch đơn thuần (Kỹ thuật mài xương)		Lần			30.000.000			Dịch vụ đơn lẻ
28	Tháo sóng đặt mô mềm 1 Xử lý viêm		Lần			15.000.000			
29	Tháo sóng đặt mô mềm 2 Xử lý viêm		Lần			20.000.000			
30	Tháo sóng đặt mô mềm 3 Xử lý viêm		Lần			25.000.000			
31	Thay sóng nhân tạo		Lần			3.000.000			
32	Thay sóng Surgiform		Lần			11.000.000			
33	Chỉnh trụ mũi bằng mảnh ghép sụn vành tai (không đặt sóng)		Lần			40.000.000			
34	Độn cằm		Lần			17.000.000			
35	Tháo cằm		Lần			5.000.000			
36	Treo cung mày		Lần			12.000.000			
37	Phẫu thuật thừa da mi dưới		Lần			12.000.000			

2. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước:

3. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá.

Ghi chú:

- Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách: *Tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ*

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai giá.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, thực hiện kê khai mức giá ghi trên hóa đơn theo đồng Việt Nam, đồng ngoại tệ (nếu có) tại bảng kê khai, ghi chú thêm thông tin thị trường nước xuất khẩu, tỷ giá, ngày áp dụng tỷ giá và ngân hàng giao dịch.

- Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.